

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 11 năm 2018

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 38, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Lê Thị Vân Anh	1	52	7.5	Bảy rưỡi	
2	Lưu Việt Anh	2	62	7.0	Bảy	
3	Lê Quý Biên	3	18	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Văn Bình	4	57	7.5	Bảy rưỡi	
5	Nông Thanh Bình	5	31	7.0	Bảy	
6	Lý Kim Cương	6	27	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Đình Cường	7	37	7.0	Bảy	
8	Hoàng Hồng Điệp	8	55	7.5	Bảy rưỡi	
9	Bùi Thanh Định	9	44	7.0	Bảy	
10	Dương Hữu Đông	10	33	8.0	Tám	
11	Đinh Văn Hà	11	47	7.5	Bảy rưỡi	
12	Hoàng Thị Hạnh	12	28	7.5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Thị Thu Hiền	13	40	8.0	Tám	
14	Lưu Ngọc Hiền	14	10	7.0	Bảy	
15	Lý Văn Hiệu	15	45	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thị Thái Hòa	16	61	7.0	Bảy	
17	Vũ Thị Thanh Hoài	17	56	7.0	Bảy	
18	Dương Văn Hùng	18	67	7.5	Bảy rưỡi	
19	Vũ Hùng	19	36	7.5	Bảy rưỡi	
20	Mạc Sỹ Hưng	20	26	7.5	Bảy rưỡi	
21	Đinh Trọng Hưng	21	38	7.0	Bảy	
22	Phạm Thị Lan Hương	22	04	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thu Hương	23	34	8.0	Tám	
24	Nguyễn Thị Hương	24	58	7.0	Bảy	
25	Lôi Quốc Huy	25	54	8.0	Tám	
26	Hoàng Thị Huyền (A)	26	51	8.0	Tám	
27	Hoàng Thị Huyền (B) 1980	27	17	8.0	Tám	
28	Nguyễn Thanh Huỳnh	28	39	7.5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Văn Khôi	29	23	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Loan	30	53	8.0	Tám	
31	Trần Văn Long	31	65	7.0	Bảy	
32	Bùi Thị Luật	32	48	7.0	Bảy	
33	Đào Thị Luyến	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
34	Nguyễn Thị Mai	33	12	7.0	Bảy	
35	Nông Văn Minh	34	14	7.5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Thị Mơ	35	41	7.5	Bảy rưỡi	
37	Đào Thị Hà My	36	30	8.0	Tám	
38	Phạm Huyền My	37	42	8.0	Tám	
39	Đào Thị Mỹ	38	13	7.5	Bảy rưỡi	
40	Trần Văn Nam	39	24	7.5	Bảy rưỡi	
41	Lê Thị Nguyệt	40	03	8.0	Tám	
42	Nguyễn Văn Nhất	41	50	7.0	Bảy	
43	Hoàng Thị Nhung	42	29	7.0	Bảy	
44	Triệu Thị Oanh	43	11	7.5	Bảy rưỡi	
45	Hoàng Văn Phú	44	49	7.5	Bảy rưỡi	
46	Đặng Đức Quân	45	59	7.0	Bảy	
47	Trần Anh Quang	46	60	7.5	Bảy rưỡi	
48	Trương Hồng Quang	47	68	7.0	Bảy	
49	Đào Thị Tú Quyên	48	20	8.0	Tám	
50	Phan Công Quỳnh	49	16	7.0	Bảy	
51	Nguyễn Thị Thắm	50	46	7.0	Bảy	
52	Hoàng Ngọc Thanh	51	15	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Nguyễn Thị Thanh	52	43	7.0	Bảy	
54	Dương Ngọc Thiện	53	66	7.5	Bảy rưỡi	
55	Dương Đình Thiết	54	64	7.5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Thị Thúy	55	32	7.5	Bảy rưỡi	
57	Đàm Xuân Trường	56	63	7.0	Bảy	
58	Bàng Thị Tứ	57	22	7.5	Bảy rưỡi	
59	Đỗ Văn Tuấn	58	25	7.0	Bảy	
60	Lý Văn Tuyển	59	21	7.0	Bảy	
61	Hoàng Quang Tuyển	60	35	7.5	Bảy rưỡi	
62	Mạch Văn Xuân	61	19	7.5	Bảy rưỡi	
63	Trần Thị Hải Yến	62	09	8.0	Tám	
64	Phạm Thị Thùy Dung	63	02	7.5	Bảy rưỡi	Phần II, CV K60
65	Bùi Phương Duy	64	01	7.5	Bảy rưỡi	Phần I.2, K3 Gang thép
66	Bùi Đình Cường	65	05	7.0	Bảy	Phần II, K12 TPTN
67	Bùi Thị Dung	66	06	7.5	Bảy rưỡi	Phần II, K12 TPTN
68	Nguyễn Thị Huệ	67	07	7.5	Bảy rưỡi	Phần II, K12 TPTN
69	Nguyễn Thị Phương	68	08	7.0	Bảy	Phần II, K12 TPTN

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XÂY DỰNG ĐĂNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên